

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Luyến A, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn ST, xã TH, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ngô Thế T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 9, ấp BT, xã BC, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Luyến A trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh T vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng chị chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau trong sinh

hoạt hằng ngày và chung sống không hòa hợp, anh T thường xuyên đi nhậu, say xỉn còn đánh đập chị. Vợ chồng chị đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại chị và anh T sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có ba con chung là Ngô Thế Trần H, sinh ngày 20/11/2006, Ngô Thế Trần K, sinh ngày 23/10/2008, Ngô Thế Trần L, sinh ngày 26/02/2016. Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu L, giao cháu H và cháu K cho anh T nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa chị thay đổi ý kiến, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu L và cháu H, giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng, hai bên không ai cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang phụ nấu ăn cho công ty trại heo, thu nhập mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2022 và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Thế T trình bày:

Anh và chị A kết hôn từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, do chị A ngoại tình với người đàn ông khác nên bỏ nhà đi hai năm nay nên vợ chồng anh đã ly thân. Nay chị A yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn để lo cho các con.

Về nuôi con chung: Anh và chị A có ba con chung là Ngô Thế Trần H, sinh ngày 20/11/2006, Ngô Thế Trần K, sinh ngày 23/10/2008, Ngô Thế Trần L, sinh ngày 26/02/2016. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu H và cháu K, giao cháu L cho chị A nuôi dưỡng đồng thời anh yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh thay đổi ý kiến, anh đồng ý giao cháu L và cháu H cho chị A nuôi dưỡng, đồng thời anh nuôi dưỡng cháu K, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề buôn bán đậu hũ, chạy xe ba gác, thu nhập mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại huyện XM, nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị A và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 ngày 05/4/2006, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị A cho rằng quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau trong sinh hoạt hằng ngày và chung sống không hòa hợp, anh T thường xuyên đi nhậu, say xỉn còn đánh đập chị. Vợ chồng chị đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại chị và anh T sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, do chị A bỏ nhà đi hai năm nay nên vợ chồng anh chị ly thân.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh T thể hiện: Trong thời gian chung sống chị A và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T sáng say chiều xỉn, không lo lắng cho vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị A và anh T có ba con chung là Ngô Thế Trần H, sinh ngày 20/11/2006, Ngô Thế Trần K, sinh ngày 23/10/2008, Ngô Thế Trần L, sinh ngày 26/02/2016.

Xét thấy chị A và anh T thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu H, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, hai bên không ai cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của chị A và anh T là tự nguyện, không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Chị A và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Luyến A ly hôn với anh Ngô Thế T.
2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị A và anh T, chị A được quyền nuôi dưỡng cháu Ngô Thế Trần L, sinh ngày 26/02/2016 và cháu Ngô Thế Trần H, sinh ngày 20/11/2006. Anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế Trần K, sinh ngày 23/10/2008. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Luyến A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0011030 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Chị A đã nộp đủ án phí

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện XM;
- CCTHADS huyện XM;
- UBND xã BC, huyện XM.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thảo Sương